CÔNG TY CỔ PHẦN **XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 274 /QĐ.HĐQT-CTy	*Đồng Tháp, ngày 14 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

"Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp"

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;

- Căn cứ Nghị Định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.

- Căn cứ vào Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp và VLXD Đồng Tháp đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/10/2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 09/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp ngày 14/12/2017 về việc thống nhất ban hành Quy chế công bố thông tin.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này **Quy chế Công bố thông tin** của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ Ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 3: Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, Ban Kiểm soát, Trưởng Phòng/ban chức năng nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, các cổ đông và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

M.S.D.N: 1400101396 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Châu Thành

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT Cty.*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------★----------	----------🕮----------

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CP XÂY LẮP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 274/QĐ.HĐQT-CTy ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty)

CHƯƠNG 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và việc phối hợp quan hệ công tác của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ Phần Xây Lắp Và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- Công ty CP Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty và người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty:* là Công ty CP Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp.
2. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:
   a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
   b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
   c) Nhà đầu tư, nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
   d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
3. *Người nội bộ của Công ty* bao gồm:
   a) Thành viên Hội đồng quản trị;
   b) Thành viên Ban Kiểm soát;
   c) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;
   d) Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng kế toán;

e) Người được uỷ quyền công bố thông tin của Công ty;

4. *Người có liên quan của người nội bộ* bao gồm: Cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, vợ, chồng, con ruột, con nuôi, anh, chị, em ruột của người nội bộ.

5. *Ngày công bố thông tin*: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế này.

6. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin*: là ngày gởi fax, gởi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc ngày Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết*: là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

8. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố thì phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng **24 giờ** kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán;

c) Thông tin cá nhân được công bố bao gồm: số thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về nội dung thông tin công bố bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu **10 năm**. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là **05 năm**;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là **05 năm**.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty là tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin.

1. Công ty thực hiện công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc cá nhân được uỷ quyền.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được uỷ quyền công bố thông tin ký duyệt cho công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và Người được uỷ quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện việc ký duyệt báo cáo công bố thông tin.

b) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 và bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu **24 giờ** trước khi việc uỷ quyền có hiệu lực.

2. Cán bộ phụ trách công bố thông tin.

a) Cán bộ phụ trách công bố thông tin là người trực tiếp thực hiện việc công bố thông tin của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

b) Có kiến thức về kế toán hoặc tài chính để có thể cập nhật, công bố chính xác thông tin của Công ty và giải đáp những thắc mắc, phản hồi của cổ đông về những thông tin liên quan đã được công bố.

c) Quản lý danh sách cổ đông. Thực hiện theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình biến động cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán. Theo dõi thông tin biến động cổ phiếu của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty.

d) Chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình quản trị Công ty và Báo cáo thường niên của Công ty theo đúng quy định.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân ghi nhận tại Khoản 2, Điều 1, Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Khi thực hiện công bố thông tin trong lần đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên.

b) Trường hợp uỷ quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được uỷ quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Nhà đầu tư đăng ký, đăng ký lại người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm Thông tư số 155/2015/TT-BTC cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu **24 giờ** trước khi việc uỷ quyền có hiệu lực.

3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Phương tiên công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.
- Hệ thống công bố thông tin IDS PLUS của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.
- Hệ thống công bố thông tin CIMS của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định (báo in, báo điện tử)…

2. Công ty lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin theo quy định sau:

a) Công ty phải báo cáo với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày** làm việc, kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

b) Trang thông tin điện tử phải có nội dung về các ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan đến nội dung này, chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo quy định của pháp luật .

c) Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực thiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn…). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA
CÔNG TY CP XÂY LẮP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính quý:

Công ty công bố báo cáo tài chính quý:

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ". Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính riêng của đơn vị mình và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên thì Công ty phải có văn bản gởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý nhưng thời gian tối đa không quá **30 ngày** kể từ ngày kết thúc quý đối với các trường hợp sau:

- Do Công ty phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất;

- Hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là "Báo cáo tài chính giữa niên độ" dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến của kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn **5 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá **45 ngày** kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên thì Công ty phải có văn bản gởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá **60 ngày** kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính đối với các trường hợp sau:

- Do Công ty phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất;

- Hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp.

3. Báo cáo tài chính năm

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính năm phải là báo cáo tài chính năm dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán. Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, bao gồm cả báo cáo kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính năm được kiểm toán có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên thì Công ty phải có văn bản gởi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá **100 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với các trường hợp sau:

- Do Công ty phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất;

- Hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất, báo cáo tài chính năm tổng hợp.

4. Khi công bố thông tin báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1 ,Khoản 2, Khoản 3 Điều này, Công ty phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh luỹ kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính quý II đã công bố so với Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; hoặc tại Báo cáo tài chính quý IV đã công bố so với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có sự chênh lệch 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định nêu trên cả ở báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Báo cáo thường niên

Hàng năm, Công ty lập báo cáo thường niên theo phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là **20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán nhưng không được vượt quá **120 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Định kỳ 6 tháng và năm, Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là **30 ngày** kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Chậm nhất **10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;

- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;

- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị;

- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, và thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty ngay khi nhận được xác nhận của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông tin trong vòng **24 giờ** kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty.

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh, bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc giấy chứng nhận khai thác, giấy phép kinh doanh chuyên ngành…; thay đổi thông tin trong bản cáo bạch sau khi đã được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán.

c) Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp đại hội đồng cổ đông thông qua việc huỷ niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ, ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật.

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; sửa đổi bổ sung điều lệ; sửa đổi chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán do quy định của pháp luật thay đổi); thông báo doanh nghiệp kiểm toán ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính.

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.

h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, hoặc người có liên quan theo Luật chứng khoán.

i) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ, nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán, Công ty công bố thông tin trong **10 ngày đầu tiên** của tháng trên cơ sở giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doah nghiệp, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi bổ sung.

m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng **03 ngày làm việc** kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gởi cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở

Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.

o) Khi nhận được bản án, quyết định của toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế.

p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo bán niên gần nhất đã được soát xét.

q) Công ty nhận được thông báo của toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

r) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét.

s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét.

t) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị công ty.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 7 Quy chế này.

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gởi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gởi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 9. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung Tâm Lưu

Ký Chứng Khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất **10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Trong thời hạn **7 ngày làm việc** kể từ ngày Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch chứng khoán về việc mua, bán cổ phiếu quỹ theo Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

Giao dịch mua, bán cổ phiếu quỹ được thực hiện ít nhất sau **7 ngày làm việc** kể từ ngày công ty công bố thông tin.

2. Trong thời hạn **10 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc giao dịch mua, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gởi báo cáo kết quả giao dịch cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty theo Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 11. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Trong thời hạn **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua cổ phiếu của tổ chức, cá nhân, Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Hội Đồng Quản Trị Công ty gởi ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Quản trị cho cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết.

3. Ý kiến bằng văn bản của Hội Đồng Quản trị Công ty phải có chữ ký của đa số thành viên và nêu rõ đánh giá của Hội Đồng Quản trị đối với việc chào mua cổ phiếu, bao gồm ý kiến khác của thành viên HĐQT (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn **7 ngày làm việc** kể từ ngày Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải công bố trên hệ thống công bố thông tin của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung Tâm Lưu Ký chứng khoán và Website của Công ty về việc phát hành theo thời hạn sau:

a) Đối với việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất **07 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

b) Đối với việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện chậm nhất **07 ngày** làm việc trước ngày

kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

2. Công ty phải gởi báo cáo kết quả phát hành cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo thời hạn sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gởi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày đăng kỳ cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gởi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động theo mẫu Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2015/TT-BTC. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước gởi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

Điều 13. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

2. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

3. Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, tách hoặc bị sáp nhập thực hiện công bố báo cáo tài chính khi chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng **24 giờ** kể từ khi nhận được yêu cầu của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

b) Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG III
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn, phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng từ 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 8, Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phần.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo có liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng quy định tại Điều này

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty.

1. Ít nhất **03 ngày làm việc** trước ngày thực hiện giao dịch, Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua qiao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (như các giao dịch tặng cho hoặc được tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

Thời hạn thực hiện giao dịch không được **quá 30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau **24 giờ** kể từ khi có công bố thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn **03 ngày** làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho Công ty, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về kết quả giao dịch, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối

lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ thì vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ, đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, Đoàn thanh niên..) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ quy định tại khoản 1,2,3 Điều này.

6. Sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn **03 ngày làm việc**.

CHƯƠNG IV
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Quy trình công bố thông tin.

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty được công khai, minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

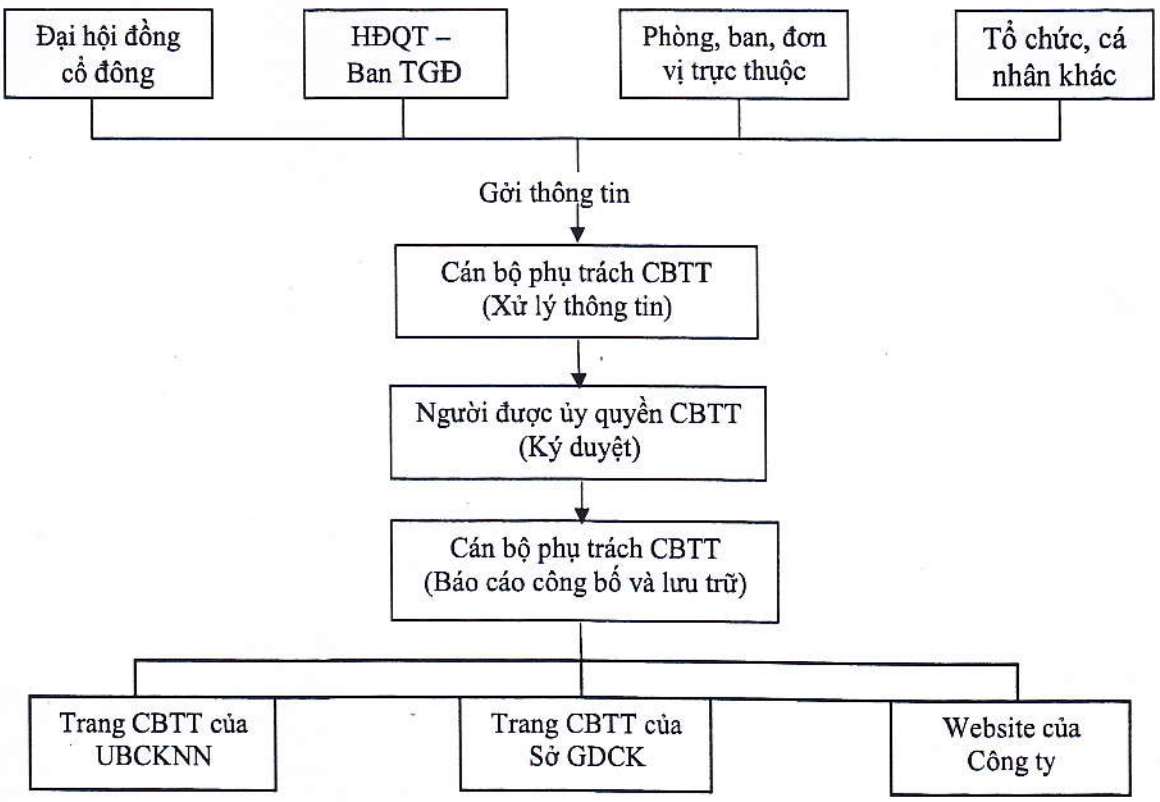

2. Diễn giải

Bước 1: Gởi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định tại Chương II và chương III, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gởi đến **Cán bộ phụ trách công bố thông tin**. Thời hạn gởi tài liệu và thông tin cần công bố quy định như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ: chậm nhất **03 ngày làm việc** trước thời hạn phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

- Đối với việc công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán: trong vòng **12 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện. Phụ trách các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho **cán bộ phụ trách công bố thông tin.**

- Đối với các thông tin cần công bố khác: chậm nhất **02 ngày làm việc** trước thời hạn phải công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

- Cán bộ phụ trách công bố thông tin tiếp nhận và kiểm tra các thông tin.

- Chọn lọc thông tin.

- Yêu cầu cung cấp lại thông tin nếu xét thấy có sai lệch.

- Hoàn chỉnh nội dung và trình Người được uỷ quyền công bố thông tin ký duyệt.

Bước 3: Báo cáo, công bố và lưu trữ

- Gởi nội dung công bố thông tin bằng văn bản và dữ liệu điện tử đến Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Gởi nội dung thông tin đã công bố đến Chủ tịch HĐQT Công ty, TGĐ Công ty.

- Công bố nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- Thông tin sau khi đã được báo cáo và công bố sẽ được Cán bộ phụ trách công bố thông tin lưu trữ theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Quy chế này để phục vụ cho cổ đông và các nhà đầu tư trong việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của người được uỷ quyền công bố thông tin và Cán bộ phụ trách công bố thông tin.

1. Cán bộ phụ trách công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

Có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.

Nếu có phát sinh những nội dung khác ngoài những nội dung phải công bố thông tin được nêu tại Chương II, Chương III của Quy chế này, các bộ phận trong Công ty phải

cung cấp kịp thời các nội dung phát sinh theo yêu cầu của **Cán bộ phụ trách công bố thông tin** *(yêu cầu này được áp dụng kể cả đối với Tổ chức và cá nhân khác nếu có .)*

Trường hợp sau khi công bố thông tin mà nhận được ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin đã công bố, cán bộ phụ trách công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin đó trong vòng **48 giờ,** kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/ đính chính các thông tin đó theo đúng quy định.

2. Người được uỷ quyền công bố thông tin có trách nhiệm giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.

Chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc Công ty về việc thực hiện công bố thông tin.

Báo cáo với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Công ty về việc thực hiện công bố thông tin khi có yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc cung cấp thông tin.

Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần được công bố cho Cán bộ phụ trách công bố thông tin theo đúng nội dung Quy chế này.

Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Cán bộ phụ trách công bố thông tin.

Điều 21. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và gởi cho Sở Giao dịch Chứng khoán trước khi thực hiện.

2. Quy chế công bố thông tin được ban hành và phổ biến đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty.

3. Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến việc công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định của Công ty và của pháp luật.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin gồm 05 Chương và 22 Điều, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành quy chế này.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội Đồng Quản Trị Công ty quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 1400101396 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Châu Thành